

VỊ THẾ TRONG GIA ĐÌNH CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ VIỆT KIỀU Ở LÀO (SO SÁNH VỚI NGƯỜI VIỆT VÀ NGƯỜI LÀO)

PHẠM THỊ MÙI*

Một trong những lĩnh vực nghiên cứu và tranh cãi chính về vấn đề phụ nữ và giới của các nhà nhân học là vị thế của người phụ nữ so với vị thế của đàn ông. Christine Helliwell cho rằng khái niệm vị thế của người phụ nữ nhìn chung “thường viện dẫn đến cả giá trị mà người ta quy cho phụ nữ và hoạt động của họ, lẫn mức độ mà phụ nữ có thể kiểm soát được cuộc sống của họ cũng như cuộc sống của người khác” (Christine Helliwell, 2001: 347 - 1). Nói đến vị thế của người phụ nữ trong gia đình thì phải đề cập đến rất nhiều khía cạnh như: vai trò kinh tế, kiểm soát nguồn lực, nuôi dạy con cái, bảo tồn giá trị văn hoá truyền thống... Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi đi vào tìm hiểu vị thế của phụ nữ Việt kiều trong gia đình với tư cách là cô dâu, là vợ, là mẹ thông qua nghiên cứu so sánh với người Việt ở Việt Nam và người Lào.

1. Vị thế của cô dâu, của người vợ và người mẹ trong gia đình Việt kiều ở

Lào (so sánh với các chuẩn mực truyền thống ở Việt Nam)

Người Việt ở Việt Nam theo chế độ gia đình hạt nhân phụ quyền, cư trú sau hôn nhân bên nhà chồng. Người phụ nữ Việt bị ràng buộc bởi các chuẩn mực đạo đức Nho giáo: “Tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử”. Với việc nuôi dưỡng bố mẹ chồng và thực hành thờ phụng tổ tiên trong nhà, vai trò cô dâu, nhất là cô dâu trưởng trong nhà chồng là rất quan trọng. Quan hệ gia đình Việt kiều vẫn duy trì theo tập quán của người Việt nói chung. Bên cạnh việc thờ phụng tổ tiên như người Việt, Việt kiều còn thờ Phật. Trong mỗi gia đình thường có hai loại bàn thờ: một bàn thờ ma, một bàn thờ Phật.

Thay đổi vị thế xã hội gắn liền với thay đổi về quyền lợi, cấu trúc xã hội và quan hệ thân tộc. Luật pháp Việt Nam truyền thống đi theo các bộ luật Trung Quốc trong việc giới hạn quyền thừa kế vào con trai nhưng tập tục dân gian lại gộp cả con

* Phạm Thị Mui, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á

gái vào quyền thừa kế. Việt kiều do hầu hết đều xuất thân từ nông dân nghèo, nên việc thừa kế thông thường được chuyển giao cho tất cả những người con trong gia đình, cả con trai và con gái, tuy nhiên con trai vẫn được nhận phần hơn. Người con trai cả có trách nhiệm nuôi dưỡng bố mẹ già và có nghĩa vụ thờ cúng khi bố mẹ qua đời nên được thừa kế ngôi nhà và một phần tài sản do bố mẹ để lại. Người phụ nữ đi lấy chồng không nhận được nhiều tài sản từ phía gia đình sinh thành như những người anh em trai khác, cô chấp nhận thừa hưởng và kiểm soát tài sản mà chồng mình được thừa hưởng từ phía gia đình chồng.

Trong hôn nhân của người Việt cổ truyền, đôi trẻ có quyền tìm hiểu nhau nhưng việc quyết định nhiều khi lại là của bố mẹ. Hôn nhân không phải là việc riêng của đôi trẻ mà còn là quan hệ giữa hai gia đình thông qua người làm mối, việc thách cưới của nhà gái. Người Việt quan niệm thách cưới càng cao thì người con gái càng có giá, những cô gái xuất thân trong những gia đình giàu có, danh giá thì "giá" càng cao. Sau một quá trình sinh sống tại Lào, một mặt là do biến đổi phong tục để phù hợp với xã hội mới, mặt khác là do tác động của quá trình toàn cầu hoá, ngày nay trong gia đình Việt kiều, quyền của con cái ngày càng gia tăng trong việc lựa chọn vợ chồng đã dẫn đến sự suy thoái loại hình hôn nhân có lợi thế theo quan điểm của bố mẹ. Điều này kéo theo sự thay đổi trong nghi lễ. Nghi lễ liên quan đến tình yêu của đôi trẻ được chú trọng hơn nghi lễ liên quan đến quan hệ giữa hai gia đình. Trong nghi lễ cưới xin của người Việt ở Lào, vai trò của người làm mối đã suy giảm nhiều. Người ta chỉ còn mời người có tài ăn nói vào vị trí này để làm đại diện cho họ nhà mình nói chuyện với họ nhà gái (hay nhà trai). Việc thách cưới trong cộng đồng Việt

kiều hiện nay không quá nặng nề như trước đây mà chỉ còn mang tính hình thức. Việt kiều ở một số nơi như Viêng Chăn, Khăm Muộn vẫn còn có tục so tuổi cô dâu trước khi tổ chức đám cưới nhưng đôi trẻ mới là những người quyết định. Có thể nói hôn nhân tự do đã nâng cao vị thế của người phụ nữ Việt kiều, họ có quyền quyết định và lựa chọn người bạn đời. Ngay cả việc thách cưới mà theo quan điểm của người Việt là để nâng cao vị thế của cô dâu nhưng đó cũng là nguyên nhân chia rẽ nhiều đôi lứa, do đó đã làm giảm vị thế của người phụ nữ đối với quyền quyết định hạnh phúc của riêng mình.

Hình thức cư trú hôn nhân bên nhà chồng và quyền thừa kế tập trung vào người con trai đã quyết định quan niệm về việc sinh con của người Việt. Ngoài mong muốn sinh nhiều con, đối với người Việt, vấn đề quan trọng nhất của sinh đẻ còn là thờ cúng tổ tiên, nối dõi tông đường. Người phụ nữ Việt lấy chồng không chỉ sinh được con mà còn phải sinh con trai. Chỉ khi sinh được con trai thì trách nhiệm làm dâu, làm vợ của người phụ nữ mới phần nào được thực hiện, và lúc này, vị thế của cô trong gia đình chồng mới được xác lập. Quan niệm của Việt kiều về việc sinh con trai bớt nặng nề hơn, nếu gia đình nào có nhiều con gái thì có thể "bất rể", đặc biệt là rể người Lào (vì người Lào có tục ở rể).

Người phụ nữ Việt trước đây không sinh được con hoặc không sinh được con trai thường bị cộng đồng cho là không có phúc và người chồng có quyền lấy vợ hai. Bản thân người phụ nữ cũng thấy mình có lỗi với chồng và gia đình chồng nên nhiều trường hợp đã tự mình đi hỏi vợ lẽ cho chồng. Hiện nay, do đã có sự hiểu biết về khoa học, Việt kiều hiểu rằng không sinh được con có nhiều nguyên nhân, có thể do người vợ nhưng cũng có thể do người

chồng. Khi gặp chuyện đó xảy ra, cả hai vợ chồng cùng bàn bạc để tìm cách khắc phục. Đối với trường hợp sinh con ngoài giá thú, người Việt cho rằng đây là người phụ nữ hư hỏng, và gia đình cô gái không biết dạy con. Trong các làng Việt cổ truyền còn ghi nhận rất nhiều luật tục trừng phạt người phụ nữ có thai hoang như gọt đầu bôi vôi, thả bè trôi sông... Tuy còn có quan niệm nặng nề nhưng cộng đồng Việt kiều không có bất cứ hình thức trừng phạt nào giống như tục lệ của các làng Việt cổ truyền ở Việt Nam.

Cô dâu trong gia đình người Việt ở Việt Nam có một vai trò rất quan trọng trong việc thờ phụng tổ tiên bên nhà chồng. Với vai trò “nội tướng”, “tay hòm chìa khoá” cô dâu trưởng là người chỉ đạo trong việc chuẩn bị cho các nghi lễ cúng tế, cô cùng chồng mình thực hành các nghi lễ trong gia đình, đôi khi cô còn đóng vai trò chính như cô dâu trưởng phải tự tay đơm cơm cúng trong tang ma và thờ cúng bố mẹ chồng... Tuy nhiên, sự phân biệt giới trong xã hội phụ quyền của người Việt cũng được thể hiện rất rõ trong tang lễ truyền thống. Người Việt ở Việt Nam trước đây có tục vợ để tang chồng ba năm hoặc 27 tháng như con để tang cha mẹ. Ngược lại, người chồng chỉ chịu tang vợ một năm. Hiện nay, việc giữ vai trò quan trọng trong nghi lễ tang ma và thờ cúng tổ tiên của người phụ nữ Việt kiều vẫn tiếp tục được duy trì. Thêm vào đó, Việt kiều quy định việc để tang vợ và tang chồng bằng nhau là hai năm hoặc chỉ một năm. Điều này chứng tỏ vị thế của người phụ nữ Việt kiều so với người phụ nữ Việt ở Việt Nam trong quan hệ gia đình nhà chồng đã được nâng cao rõ rệt.

2. Vị thế của cô dâu, của người vợ, người mẹ là người Việt trong gia đình người Lào (so sánh với vị thế của họ

khí lấy chồng Việt)

Hiện nay do sống cạnh người Lào nên hôn nhân hỗn hợp là khó tránh khỏi. Hôn nhân vợ Việt - chồng Lào chiếm tỷ lệ nhiều hơn hôn nhân vợ Lào - chồng Việt.

Người Lào có tục ở rể, hai vợ chồng trẻ phải ở nhà vợ vài năm có con mới được ra ở riêng hoặc về nhà chồng. Bản thân người phụ nữ Việt đã mang trong mình “tam tông, tứ đức” nên khi lấy chồng người Việt hay người Lào đều, chiều chồng thương con, chăm sóc cha mẹ chồng nên cô thường được nhà chồng yêu mến. Mặt khác, chú rể người Lào chăm chỉ làm ăn, phục vụ nhà vợ và kính trọng bố mẹ vợ. Đây là điều kiện thuận lợi bước đầu để họ có thể hoà nhập vào một nền văn hoá khác.

Trong đám cưới hỗn hợp vợ Việt - chồng Lào, vị thế của cô dâu Việt và nhà gái là rất cao. Người ta thường thực hành một lúc cả hai nền văn hoá. Chú rể người Lào phải thực hiện theo phong tục của người Việt. Buổi sáng khi đón dâu, chú rể người Lào và cô dâu Việt mặc trang phục cưới hỏi truyền thống của người Việt, làm lễ tơ hồng và lễ tổ tiên bên nhà gái. Tập tục thách cưới của người Việt vẫn được thực hiện theo nghi lễ truyền thống, tuy nhiên đã có sự thoả thuận giữa hai gia đình về giá trị của lễ vật, sau ba ngày cũng có lễ lại mặt theo đúng phong tục người Việt. Vì quan tâm đến hạnh phúc của con gái sau khi kết hôn, phần lớn các gia đình Việt kiều không giữ lại khoản “giá cô dâu” cho mình. Họ thường trao lại cho con gái và kèm thêm một khoản tiền hoặc tài sản được gọi là “của hồi môn” để đôi vợ chồng trẻ có “vốn” tạo dựng một gia đình mới. Nếu người con gái lấy rể Lào về để chăm lo cuộc sống nhà mình thì trong trường hợp này, cô được bố mẹ chia thừa kế bằng phần với những người con trai khác.

Trong thời gian sinh đẻ và nuôi con mọn cô dâu Việt kiều mặc dù đã đi lấy chồng nhưng vẫn được mẹ đẻ đi theo chăm sóc, được ăn uống kiêng, hơ than... giống như phong tục của người Việt. Đối với việc nuôi dạy con cái trong gia đình, người phụ nữ Việt kiều có vai trò quan trọng. Người phụ nữ Việt kiều luôn hướng con mình theo phong tục tập quán của người Việt, cho con theo học trường Việt. Đây cũng là yếu tố quan trọng để người Việt có thể bảo lưu được văn hoá truyền thống bên bờ của mình qua thời gian.

Người vợ Việt kiều khi làm dâu trong gia đình người Lào vẫn tham gia cúng tổ tiên bên gia đình sinh. Cô cũng hoàn toàn được quyền thờ cúng bố mẹ đẻ của mình nếu gia đình sinh thành không có con trai, và tập cho chồng và các con thực hành nghi lễ theo phong tục thờ cúng của người Việt.

Khi chết, cô dâu Việt kiều thường muốn được làm tang ma và thờ cúng theo phong tục của tộc người sinh thành. Việc trở lại cộng đồng sinh thành khi chết cho thấy vị thế của người phụ nữ Việt kiều trong gia đình chồng về mặt tín ngưỡng chỉ được xác lập tạm thời, khác với vị thế khi cô làm dâu trong gia đình người Việt.

3. Vị thế của cô dâu, người mẹ, người vợ là người Lào trong gia đình Việt kiều (so sánh với vị thế của họ khi lấy chồng Lào)

Người Việt coi việc ở rể rất nặng nề, chỉ có những gia đình nghèo mới phải cho con đi ở rể. Con trai Việt cũng ngại làm rể người Lào vì gia đình người Lào có rất nhiều quy định. Nếu phạm lỗi thì theo luật tục chàng rể sẽ bị phạt – lợn, gạo, tiền – để khao người làng, họ hàng, cô bác bên nhà vợ. Người Lào thờ Phật ở gian giữa, người con rể không được vào gian này.

Nếu vi phạm, người con rể phải có con gà làm cơm tạ lỗi với Phật và cha mẹ vợ. Trong hôn nhân chồng Việt - vợ Lào người ta thường chọn hình thức cư trú sau hôn nhân bên nhà chồng.

Đám cưới hỗn hợp chồng Việt - vợ Lào cũng là sự kết hợp giao lưu giữa hai nền văn hoá. Nghi thức trong đám cưới ngoài theo phong tục Việt nhất thiết phải được tổ chức theo phong tục của người Lào. Chú rể người Việt buổi sáng đi rước dâu phải ăn mặc theo trang phục truyền thống của người Việt, phải mang lễ vật đến nhà gái (người Lào gọi là “tiền sữa mẹ”), làm nghi thức buộc chỉ cổ tay theo đúng phong tục của người Lào... Trong đám cưới hỗn hợp Việt - Lào, cô dâu người Lào có vị thế khá cao nhưng việc cư trú hôn nhân bên nhà chồng đã đưa cô vào vị thế lệ thuộc và thấp hơn khi cô làm dâu trong gia đình người Lào.

Người Việt có quan niệm “dâu con rể khách”, người con dâu Lào trong gia đình Việt kiều phải theo phong tục người Việt. Con dâu người Lào được mẹ chồng, là một cô dâu trong gia đình thuộc thế hệ trước, chăm sóc và khuyên nên kiêng kị theo phong tục của người Việt. Trong gia đình người Việt, tập quán nuôi dạy con cái gắn với vai trò làm mẹ của người phụ nữ nên cô dâu người Lào rất khó hoà nhập cho nên việc nuôi dạy con cái trong gia đình hỗn hợp vợ Lào - chồng Việt thường do người chồng và mẹ chồng đảm nhiệm. Con cái của những gia đình hỗn hợp do ảnh hưởng việc dạy bảo của bố và bà nội là người Việt nên có xu hướng thực hành nghi lễ theo phong tục của người Việt.

Phụ nữ người Lào khi về làm dâu trong gia đình Việt kiều vẫn hoàn toàn được giữ phong tục tập quán tộc người. Họ ăn cơm tẻ với gia đình chồng và vẫn thường xuyên ăn cơm nếp. Phong tục bên Lào chỉ làm “bun” (lễ hội), cúng tổ tiên thông qua nghi

lễ tại chùa. Khi kết hôn đồng tộc, cô có thể đứng ra chủ trì các lễ hội, dâng cơm cúng giỗ cho cha mẹ theo đúng phong tục người Lào. “Nhập gia tùy tục”, khi về làm dâu người Việt, người dâu Lào phải theo phong tục bên nhà chồng. Vào những dịp cúng tổ tiên, dịp lễ tết cổ truyền của người Việt, người con dâu người Lào tham gia chuẩn bị nhưng việc cúng bái, chủ trì nghi lễ là do người chồng đảm nhiệm. Cô tham gia lễ hội, cúng tổ tiên với vai trò của người “giúp việc”, thậm chí là của người “khách”.

Trong các gia đình hỗn hợp, cô dâu Lào để tang bố mẹ chồng theo phong tục của người Việt nhưng khi chết họ thường muốn đốt và làm ma theo phong tục của người Lào. Giống như trong trường hợp người phụ nữ Việt lấy chồng Lào, người phụ nữ Lào lấy chồng Việt cũng có vị thế được xác lập tạm thời.

Một vài nhận xét thay lời kết

Trên quê hương mới, người Việt một mặt tổ chức lại cuộc sống của mình cho phù hợp, mặt khác đã từng bước hội nhập vào nền văn hoá mới, từng bước cải thiện cuộc sống và nâng cao vị thế của người phụ nữ so với vị thế của họ ở những làng Việt cổ truyền.

Chính việc gắn bó với vai trò làm dâu, làm vợ, làm mẹ đã nâng cao vị thế của người phụ nữ Việt kiều trong gia đình chồng ngay cả khi họ làm dâu gia đình người Việt hay người Lào. Do đó, người phụ nữ Việt kiều không chỉ làm giảm vị thế của chồng mà ngay cả so với phụ nữ Lào, có nền văn hoá với tập tục đề cao vị thế của người phụ nữ, nhiều khi cũng có vị thế cao hơn.

Ngoài việc sinh đẻ và nuôi dạy con cái, chăm sóc bố mẹ chồng, phụ nữ Việt còn có vai trò bảo lưu và duy trì văn hoá truyền thống, là chất keo dính nối liền quá khứ

với hiện tại, giáo dục con cháu hiểu biết cội nguồn tộc người mặc dù sống xa quê hương bản xứ./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Kế Bính (1990), *Việt Nam phong tục*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh tái bản.
2. Nguyễn Phương Châm (2006), *Nghi lễ hôn nhân của người Kinh ở Trung Quốc*, Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin.
3. Hà Văn Cầu (1998), *Phong tục Việt Nam (cưới gả và tuổi vợ tuổi chồng)*, Nxb Hội Nhà văn Việt Nam.
4. Phạm Côn Sơn (1994, bản in lần thứ 4), *Gia lễ xưa và nay*, Nhà xuất bản Thanh Niên.
5. Thọ Mai Hồ Sĩ Tân, *Thọ Mai gia lễ*, soạn thời Lê Dụ Tông.
6. Durkheim, Emile (1915), *Elementary Forms of the Religious Life*, New York: Macmillan.
7. Arnold Van Gennep (2001), *The rites of passage*, The University of Chicago press.
8. Christine Helliwell (2001). “Phụ nữ ở châu Á: Nhân học và việc nghiên cứu phụ nữ,” trong Grant Evans (chủ biên), Cao Xuân Phổ (dịch) *Bức khám văn hoá châu Á*, Nhà xuất bản: Văn hoá dân tộc.
9. Clark W.Sorensen (2001). “Gia đình châu Á: sự hình thành Hộ gia đình”, trong Grant Evans (chủ biên), Cao Xuân Phổ (dịch) *Bức khám văn hoá châu Á*, Nhà xuất bản Văn hoá dân tộc.
10. Clark W.Sorensen (2001). “Tổ tiên và bà con thông gia: Quan hệ họ hàng bên ngoài Gia đình”, trong Grant Evans (chủ biên), Cao Xuân Phổ (dịch) *Bức khám văn hoá châu Á*, Nhà xuất bản: Văn hoá dân tộc.
11. Victor Turner (1969), *The Ritual Process: Structure and Anti-structure*, Chicago, IL: Aldine.
12. X.A. Tocarev (1994). *Các hình thức tôn giáo sơ khai và sự phát triển của chúng*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.